

## **NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo Kiểm toán	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 30
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 30



NT/BSA/UB L2698-40001

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nam Dược (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Nam Dược là công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003831 đăng ký lần đầu ngày 04/03/2004, chuyển đổi sang số 0103039249 và đăng ký thay đổi lần 8 ngày 08/12/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 30M2 Khu đô thị mới Yên Hòa, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Xuân Hạng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Giang	Phó Chủ tịch
Bà Dương Thị Lan	Thành viên
Ông Hoàng Minh Châu	Thành viên
Ông Lê Văn Sản	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Minh Châu	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Lợi	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát

Bà Vũ Thị Nga	Trưởng ban
Ông Phạm Thành Đạt	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương	Ủy viên

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;

**Công ty Cổ phần Nam Dược**

Số 30M2 Khu đô thị mới Yên Hòa, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

**Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC, ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



**Hoàng Minh Châu**

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2013



Số: 423/2013/BC.KTTC-AASC.KT6

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

*Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012  
của Công ty Cổ phần Nam Dược*

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Nam Dược**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Nam Dược được lập ngày 28 tháng 03 năm 2013 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 được trình bày từ trang 6 đến trang 30 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### **Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### **Vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến của kiểm toán viên**

- Như đã trình bày tại Thuyết minh số 12 của Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, trước ngày 01/01/2011, Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nam Dược đã tạm ngừng hoạt động và khoản đầu tư vào Công ty này với số tiền 255 triệu đồng đang được trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc. Với các tài liệu được cung cấp, Chúng tôi không đủ cơ sở đánh giá khả năng thu hồi và mức trích lập dự phòng tổn thất của khoản đầu tư này ảnh hưởng tới các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty.
- Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và ghi nhận chi phí dự phòng vào kết quả kinh doanh năm 2011 với số tiền 17.219.930.908 đồng làm tăng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại thời điểm 31/12/2011 và lũy kế đến thời điểm 31/12/2012 với số tiền 15.067.439.545 đồng.
- Tại ngày 31/12/2012, Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và ghi nhận chi phí dự phòng vào kết quả kinh doanh với số tiền là 1.113.062.884 đồng. Làm lợi nhuận trước thuế năm 2012 tăng lên số tiền tương ứng.
- Chúng tôi đã không thể tham gia chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho, tiền mặt của Công ty TNHH MTV Nam Dược Phương Nam vào ngày 31/12/2012. Chúng tôi cũng không thể thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế khác. Với những tài liệu hiện có, bằng các thủ tục kiểm toán khác chúng tôi không thể khẳng định được tính hiện hữu và đầy đủ của các khoản mục này.
- Tại thời điểm 31/12/2012, Công ty TNHH MTV Nam Dược Phương Nam có chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" đang phản ánh số lỗ 2.397.281.913 đồng, ảnh hưởng của khoản lỗ lũy kế này dẫn tới chỉ tiêu "Vốn chủ sở hữu" đang bị âm 1.397.281.913 đồng. Với những tài liệu hiện có chúng tôi không thể đánh giá, cũng như khẳng định được về tính hoạt động liên tục của Công ty.

- Như đã trình bày trong thuyết minh số 18 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31/12/2011 và ngày 31/12/2012 các khoản vay dài hạn phải được hoàn trả trong vòng 1 năm với số tiền là 3.571.400.000 đồng đang được trình bày tại chỉ tiêu "Vay và nợ dài hạn" thay vì được trình bày trên chỉ tiêu "Vay và nợ ngắn hạn" theo như quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Chuẩn mực kế toán số 21 - Trình bày báo cáo tài chính).
- Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012, Công ty Cổ phần Nam Dược đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2011 trong năm 2012 căn cứ vào lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011 với số tiền 4.842.228.109 đồng mà không đủ nguồn để chi trả cổ tức trên Báo cáo tài chính riêng năm 2011 của Công ty.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề nêu trên và ảnh hưởng của chúng, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nam Dược tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



\_\_\_\_\_  
**Nguyễn Thanh Tùng**  
 Phó Tổng Giám đốc  
 Chứng chỉ KTV số: Đ0063/KTV  
 Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2013

\_\_\_\_\_  
**Nguyễn Anh Ngọc**  
 Kiểm toán viên  
 Chứng chỉ KTV số: 1437/KTV

Mẫu B01 - DN

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
		VND	VND
<b>100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>111.803.190.080</b>	<b>101.149.647.895</b>
<b>110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>25.074.055.297</b>	<b>10.634.979.291</b>
111 1. Tiền		11.355.708.289	9.634.979.291
112 2. Các khoản tương đương tiền		13.718.347.008	1.000.000.000
<b>120 II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4</b>	<b>870.388.412</b>	<b>3.492.891.344</b>
121 1. Đầu tư ngắn hạn		870.388.412	3.492.891.344
<b>130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>32.655.217.700</b>	<b>45.300.407.319</b>
131 1. Phải thu khách hàng		18.511.413.486	27.847.828.807
132 2. Trả trước cho người bán		12.549.552.902	3.844.198.101
135 5. Các khoản phải thu khác	5	1.594.251.312	13.608.380.411
<b>140 IV. Hàng tồn kho</b>	<b>6</b>	<b>51.385.944.365</b>	<b>41.207.331.632</b>
141 1. Hàng tồn kho		51.385.944.365	41.207.331.632
<b>150 V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>1.817.584.306</b>	<b>514.038.309</b>
151 1. Chi phí trả trước ngắn hạn		402.504.650	210.825.196
152 2. Thuế GTGT được khấu trừ		496.659.104	-
154 3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	7	42.914.966	39.367.273
158 5. Tài sản ngắn hạn khác	8	875.505.586	263.845.840
<b>200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>37.016.950.541</b>	<b>32.017.327.938</b>
<b>220 II. Tài sản cố định</b>		<b>34.724.860.796</b>	<b>30.740.287.428</b>
221 1. Tài sản cố định hữu hình	9	28.723.538.733	30.271.771.876
222 - Nguyên giá		73.986.188.723	67.988.870.452
223 - Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(45.262.649.990)	(37.717.098.576)
227 3. Tài sản cố định vô hình	10	320.571.236	400.714.052
228 - Nguyên giá		801.428.129	801.428.129
229 - Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(480.856.893)	(400.714.077)
230 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	5.680.750.827	67.801.500
<b>250 IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>12</b>	<b>255.000.000</b>	<b>255.000.000</b>
258 3. Đầu tư dài hạn khác		255.000.000	255.000.000
<b>260 V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>2.037.089.745</b>	<b>1.022.040.510</b>
261 1. Chi phí trả trước dài hạn	13	1.162.042.969	995.040.510
262 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	29.2	838.046.776	-
268 3. Tài sản dài hạn khác		37.000.000	27.000.000
<b>270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>148.820.140.621</b>	<b>133.166.975.833</b>

Mẫu B01 - DN

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

(tiếp theo)

Mã số NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
		VND	VND
<b>300 A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>49.151.482.453</b>	<b>70.385.544.230</b>
<b>310 I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>42.406.685.605</b>	<b>59.863.660.817</b>
311 1. Vay và nợ ngắn hạn	14	11.245.855.234	38.077.171.069
312 2. Phải trả người bán		19.828.393.488	14.384.617.909
313 3. Người mua trả tiền trước		719.787.641	796.576.298
314 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	6.582.211.808	2.501.876.699
315 5. Phải trả người lao động		3.242.522.416	3.145.948.237
316 6. Chi phí phải trả	16	141.289.292	223.699.926
319 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17	646.625.726	733.770.679
<b>330 II. Nợ dài hạn</b>		<b>6.744.796.848</b>	<b>10.521.883.413</b>
334 4. Vay và nợ dài hạn	18	6.744.796.848	10.418.196.848
336 6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		-	103.686.565
<b>400 B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>99.668.658.168</b>	<b>62.781.431.603</b>
<b>410 I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>19</b>	<b>99.441.658.168</b>	<b>62.781.431.603</b>
411 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		56.800.000.000	56.800.000.000
420 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		42.641.658.168	5.981.431.603
<b>430 II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác</b>		<b>227.000.000</b>	<b>-</b>
432 2. Nguồn kinh phí	20	227.000.000	-
<b>440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>148.820.140.621</b>	<b>133.166.975.833</b>

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
5. Ngoại tệ các loại		-	-
- USD		429,39	439,39
- EUR		131,81	131,69



Trần Thị Anh Đức  
Kế toán trưởng



Hoàng Minh Châu  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2013

Mẫu B02 - DN

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2012

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
		VND	VND
01 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	265.660.793.360	170.538.842.225
02 2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	121.204.712	1.929.759.613
10 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	265.539.588.648	168.609.082.612
11 4. Giá vốn hàng bán	24	152.998.546.458	103.355.227.656
20 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		112.541.042.190	65.253.854.956
21 6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	735.850.346	416.892.320
22 7. Chi phí tài chính	26	4.148.846.705	9.831.856.247
23 - Trong đó: Chi phí lãi vay		4.126.983.529	8.942.276.730
24 8. Chi phí bán hàng	27	44.731.202.292	24.062.418.306
25 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	17.653.724.522	12.036.069.435
30 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		46.743.119.017	19.740.403.288
31 11. Thu nhập khác		390.359.844	47.630.418
32 12. Chi phí khác		108.172.266	92.562.227
40 13. Lợi nhuận khác		282.187.578	(44.931.809)
50 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		47.025.306.595	19.695.471.479
51 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	6.360.898.697	1.252.108.235
52 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	29.2	(838.046.776)	-
60 17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>41.502.454.674</u>	<u>18.443.363.244</u>
70 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	7.307	3.247



Trần Thị Anh Đức  
Kế toán trưởng



  
Hoàng Minh Châu

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2013



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2012

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>47.025.306.595</b>	<b>19.695.471.479</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>		
02	- Khấu hao tài sản cố định	7.927.976.337	7.542.611.121
03	- Các khoản dự phòng	-	(687.641.320)
04	- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	332.503.769
05	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	(976.749.726)	(416.497.074)
06	- Chi phí lãi vay	4.126.983.529	8.942.276.730
08	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>58.103.516.735</b>	<b>35.408.724.705</b>
09	- Tăng/giảm các khoản phải thu	12.449.187.338	6.805.817.102
10	- Tăng/giảm hàng tồn kho	(10.178.612.733)	7.798.126.455
11	- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	2.935.830.560	(10.138.051.901)
12	- Tăng/giảm chi phí trả trước	(358.681.913)	966.379.426
13	- Tiền lãi vay đã trả	(4.328.394.163)	(9.563.330.724)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(1.021.398.851)	(33.296.158)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	501.000.661	42.788.053
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(740.199.374)	(18.166.769)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>57.362.248.260</b>	<b>31.268.990.189</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(11.773.821.077)	(1.691.239.514)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	240.920.000	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(6.030.618.464)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	8.653.121.396	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	(4.875.843.344)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	2.632.180.111
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	735.829.726	416.497.074
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>(8.174.568.419)</b>	<b>(3.518.405.673)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	27.105.991.769	59.619.123.615
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(57.610.707.604)	(81.649.325.164)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(4.243.888.000)	-
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>(34.748.603.835)</b>	<b>(22.030.201.549)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>14.439.076.006</b>	<b>5.720.382.967</b>

Mẫu B03 - DN

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2012

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
60 Tiền và tương đương tiền đầu năm		10.634.979.291	4.914.080.423
61 Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	515.901
70 Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>25.074.055.297</u>	<u>10.634.979.291</u>

Trần Thị Anh Đức  
Kế toán trưởng



Hoàng Minh Châu  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2013



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

### 1 . THÔNG TIN CHUNG

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nam Dược là công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003831 đăng ký lần đầu ngày 04/03/2004, chuyển đổi sang số 0103039249 và đăng ký thay đổi lần 8 ngày 08/12/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 30M2 Khu đô thị mới Yên Hòa, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 56.800.000.000 đồng.

<u>Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Chi nhánh Hà Nội - Công ty Cổ phần Nam Dược (*)	Số 3, ngách 34/23, ngõ 34 đường Nguyễn Hồng, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	Kinh doanh dược phẩm

(\*): Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 Công ty Cổ phần Nam Dược ngày 08/05/2011 đã thông qua việc giải thể Chi nhánh Hà Nội - Công ty Cổ phần Nam Dược. Đồng thời Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội - phòng đăng ký kinh doanh số 02 đã cấp Giấy xác nhận số 447/GBN-ĐKKD ngày 18/01/2013 về việc đã tiếp nhận thông báo tạm ngừng hoạt động của chi nhánh. Thời gian tạm ngừng lần 01 từ ngày 20/01/2013 đến ngày 20/01/2014.

#### Công ty có các công ty con tại thời điểm 31/12/2012 bao gồm :

<u>Tên Công ty</u>	<u>Trụ sở chính</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty TNHH Nam Dược	Lô M13 (C4-9), Khu công nghiệp Hòa Xá, TP. Nam Định	100%	100%	Sản xuất, kinh doanh dược phẩm
Công ty TNHH MTV Nam Dược Phương Nam	Số 824/28E - Sư Vạn Hạnh - Phường 12 - Quận 10 - TP Hồ Chí Minh	100%	100%	Kinh doanh dược phẩm

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh mỹ phẩm, thực phẩm, dược liệu (trừ mỹ phẩm có hại cho sức khỏe con người);
- Đại lý mua bán, ký gửi dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm, trang thiết bị y tế (trừ mỹ phẩm có hại cho sức khỏe);
- Kinh doanh trang thiết bị y tế;
- Tư vấn, đào tạo và dịch vụ chuyển giao công nghệ dược phẩm, mỹ phẩm;
- Nuôi trồng cây dược liệu;
- Bán buôn thuốc;
- Sản xuất thực phẩm chức năng, thực phẩm bổ sung dinh dưỡng; và
- Bán buôn thực phẩm chức năng, thực phẩm bổ sung dinh dưỡng.

## 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### *Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính .

### 2.3 . Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng năm tài chính với báo cáo tài chính của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Công ty con bị loại trừ khỏi việc hợp nhất Báo cáo tài chính khi:

- Quyền kiểm soát của Công ty mẹ chỉ là tạm thời vì Công ty con này chỉ được mua và nắm giữ cho mục đích bán lại trong tương lai gần (dưới 12 tháng); hoặc
- Hoạt động của Công ty con bị hạn chế trong thời gian dài và điều này ảnh hưởng đáng kể tới khả năng chuyển vốn cho Công ty mẹ.

### 2.3 Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**2.5 . Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7/12/2009.

**2.6 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Ngoài ra, quy trình sản xuất, bảo quản, mua và bán các mặt hàng dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm và dược liệu phải tuân thủ các quy định liên quan của Nhà nước Việt nam và phù hợp với tiêu chuẩn chuyên môn của các tổ chức thế giới đã được Công ty đăng ký.

**2.7 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá TSCĐ hữu hình được hình thành từ mua sắm là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình là chi phí san lấp mặt bằng 10.000 m<sup>2</sup> đất thuê 49 năm kể từ ngày 24/09/2003 tại lô M13 (C4-9), Khu công nghiệp Hòa xá, Nam Định, được khấu hao với thời gian 10 năm.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 07 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 04 năm
- Các tài sản khác	03 - 08 năm



## **2.8 . Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

## **2.8 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

## **2.9 . Chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

## **2.10 . Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

## **2.11 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

## 2.12 . Ghi nhận doanh thu

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

## 2.13 . Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## 2.14 . Các khoản thuế

### *Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

Công ty Cổ phần Nam Dược và Công ty TNHH Một thành viên Nam Dược Phương Nam có thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%.

Theo giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 437/2005/VP5 ngày 15/12/2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định và biên bản thanh tra thuế của Cục thuế Nam Định ngày 27/04/2011, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Công ty TNHH Nam Dược là 10% trên thu nhập chịu thuế và áp dụng trong thời gian 15 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động cho phần thu nhập của dự án đầu tư mang lại. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo. Năm 2012 là năm thứ 7 công ty có lãi.

Thuế suất thuế giá trị gia tăng đầu ra là 5% đối với sản phẩm thuốc và 10% đối với sản phẩm chức năng.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Mẫu B09 - DN

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	3.291.009.416	1.485.099.875
Tiền gửi ngân hàng	8.064.698.873	8.149.879.416
Các khoản tương đương tiền	13.718.347.008	1.000.000.000
	<b>25.074.055.297</b>	<b>10.634.979.291</b>

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác (*)	870.388.412	3.492.891.344
- Tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Định	870.388.412	1.490.558.011
- Tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Định	-	2.002.333.333
	<b>870.388.412</b>	<b>3.492.891.344</b>

(\*) Số dư đầu tư ngắn hạn tại ngày 31/12/2012 là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Định, lãi suất 9%/năm.

**5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải thu các đối tượng liên quan đến chứng từ không hợp lệ (*)	-	11.340.243.880
Chi phí chưa xác định được nội dung và đối tượng (*)	-	1.448.722.033
Phải thu khác	1.594.251.312	819.414.498
	<b>1.594.251.312</b>	<b>13.608.380.411</b>

(\*) Các chi phí chưa có chứng từ hợp lệ và xác định được nội dung và đối tượng năm 2011 đã được thu lại bằng tiền trong năm 2012.

**6 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	614.025.016
Nguyên liệu, vật liệu	30.816.783.376	23.672.613.396
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.762.083.540	4.891.596.063
Thành phẩm	9.895.292.302	7.988.075.998
Hàng hóa	4.911.785.147	4.041.021.159
	<b>51.385.944.365</b>	<b>41.207.331.632</b>



		Mẫu B09 - DN	
<b>7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC</b>		31/12/2012	01/01/2012
		VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp		42.914.966	39.367.273
		<b>42.914.966</b>	<b>39.367.273</b>
<b>8 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC</b>		31/12/2012	01/01/2012
		VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý		-	4.961.216
Tạm ứng		864.515.586	258.144.624
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn		10.990.000	740.000
		<b>875.505.586</b>	<b>263.845.840</b>
<b>9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH</b>			
Xem chi tiết Phụ lục 1			
<b>10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH</b>			<b>Quyền</b>
			<b>sử dụng đất</b>
			<b>VND</b>
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>			
Số dư đầu năm			801.428.129
Số tăng trong năm			-
Số giảm trong năm			-
Số dư cuối năm			<b>801.428.129</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm			400.714.077
Số tăng trong năm			80.142.816
- <i>Khấu hao trong năm</i>			80.142.816
Giảm trong năm			-
Số dư cuối năm			<b>480.856.893</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm			400.714.052
<b>Tại ngày cuối năm</b>			<b>320.571.236</b>

Tại ngày 31/12/2012, tài sản cố định vô hình được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Định.

		Mẫu B09 - DN	
		31/12/2012	01/01/2012
		VND	VND
<b>11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG</b>			
		<b>5.469.190.827</b>	<b>67.801.500</b>
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>			
Công trình nhà máy sản xuất dược phẩm đạt tiêu chuẩn Quốc tế GMP-WHO			
- Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng		67.801.500	67.801.500
- Chi phí xây lắp		5.364.389.327	-
- Chi phí tư vấn		37.000.000	-
<b>Mua sắm TSCĐ</b>		<b>211.560.000</b>	
- Phần mềm kế toán		211.560.000	-
		<b>5.680.750.827</b>	<b>67.801.500</b>
<b>12 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN</b>			
		31/12/2012	01/01/2012
		VND	VND
Đầu tư dài hạn khác (*)		255.000.000	255.000.000
		<b>255.000.000</b>	<b>255.000.000</b>
(*) Đầu tư dài hạn khác là khoản góp vốn thành lập Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nam Dược. Đến thời điểm 31/12/2012, Công ty đã tạm ngừng hoạt động.			
<b>13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN</b>			
		Năm 2012	Năm 2011
		VND	VND
Số dư đầu năm		995.040.510	2.174.872.972
Số tăng trong năm		1.375.203.512	600.704.575
Số đã kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm		(1.208.201.053)	(1.780.537.037)
<b>Số dư cuối năm</b>		<b>1.162.042.969</b>	<b>995.040.510</b>
<b>Trong đó chi tiết số dư cuối năm bao gồm:</b>		31/12/2012	01/01/2012
		VND	VND
Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ		19.271.512	-
Chi phí sửa chữa tài sản cố định		-	88.462.327
Chi phí quảng cáo chờ phân bổ		-	452.398.828
Chi phí nghiên cứu có giá trị lớn		-	179.488.288
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ		787.803.225	223.598.743
Chi phí nghiên cứu thị trường sản phẩm cấm bỏ ích nhi		166.000.000	-
Chi phí trả trước dài hạn khác		188.968.232	51.092.324
		<b>1.162.042.969</b>	<b>995.040.510</b>

Mẫu B09 - DN

**14 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>11.163.855.234</b>	<b>38.005.171.069</b>
Vay ngân hàng	8.978.855.234	30.190.066.069
- Ngân hàng TMCP ĐT & PT Việt Nam - CN Nam Định (1)	2.840.814.780	14.190.066.069
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam _CN TP Nam Định (2)	6.138.040.454	16.000.000.000
Vay cá nhân (3)	2.185.000.000	7.815.105.000
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>82.000.000</b>	<b>72.000.000</b>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - SGD Hà Nội (4)	82.000.000	72.000.000
	<b>11.245.855.234</b>	<b>38.077.171.069</b>

(1) Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Định theo hợp đồng vay số 05/2012/HĐ ngày 25/09/2012, giá trị khoản vay: 2.840.814.780 VND. Thời hạn vay là 06 tháng với mức lãi suất 12%/ năm. Mục đích vay: thanh toán tiền mua nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất. Hình thức đảm bảo tiền vay bằng tài sản cố định.

(2) Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Định theo hợp đồng tín dụng số 270612/HĐTD ngày 27/06/2012, giá trị khoản vay: 16 tỷ đồng. Thời hạn vay là 12 tháng với mức lãi suất là 13%/ năm. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động trong kinh doanh. Hình thức đảm bảo tiền vay: thế chấp quyền sử dụng đất thuộc sở hữu gia đình Ông Hoàng Minh Châu theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất 3 bên: gia đình ông Hoàng Minh Châu, Công ty TNHH Nam Dược và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN TP Nam Định, giá trị tài sản thế chấp là 12,8 tỷ.

(3) Các hợp đồng vay cá nhân có thời hạn từ 05 đến 12 tháng với lãi suất vay từ 1,08%/ tháng đến 1,5%/ tháng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động trong kinh doanh. Hình thức đảm bảo tiền vay: tín chấp.

(4) Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Sở giao dịch Hà Nội theo hợp đồng tín dụng trung hạn số 43510.006 746810 ngày 28/12/2010 số tiền 226.000.000 VND để mua xe tải Hyundai Porter 1,25 tấn. Tài sản đảm bảo khoản vay là xe ô tô hình thành từ vốn vay với giá trị đảm bảo là 323.000.000 đồng.

**15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	142.115.557	1.282.888.013
Thuế xuất, nhập khẩu	10.770.242	8.520.327
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.312.065.054	969.017.515
Thuế thu nhập cá nhân	117.260.955	241.450.844
	<b>6.582.211.808</b>	<b>2.501.876.699</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	22.289.292	-
Phải trả chi phí tích điểm theo doanh số	119.000.000	223.699.926
	<b>141.289.292</b>	<b>223.699.926</b>

Mẫu B09 - DN

**17 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	137.920.922	124.943.171
Bảo hiểm xã hội	2.496.829	176.863.086
Bảo hiểm y tế	-	66.699.464
Cổ tức phải trả cho cổ đông	300.112.000	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	177.000.000	33.049.339
Các khoản phải trả, phải nộp khác	29.095.975	332.215.619
	<b>646.625.726</b>	<b>733.770.679</b>

**18 . VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
<b>Vay dài hạn</b>	<b>6.744.796.848</b>	<b>10.418.196.848</b>
Vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam _CN Nam Định (1)	6.744.796.848	10.418.196.848
	<b>6.744.796.848</b>	<b>10.418.196.848</b>

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

(1) Vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Nam Định theo hợp đồng số 03/2007/HĐTD ngày 01/06/2007, giá trị khoản vay: 23,5 tỷ đồng, thời hạn vay 84 tháng với lãi suất nợ trong hạn 7,8%/ năm và lãi suất nợ quá hạn 11,7%/ năm. Mục đích vay: Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất dược phẩm đạt tiêu chuẩn GMP - WHO. Hình thức đảm bảo khoản vay bằng giá trị tài sản hình thành từ khoản vay. Vay dài hạn đến hạn trả trong năm 2013 của khoản vay này là 3.571.400.000 đồng.

**19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Xem chi tiết Phụ lục 2.

**b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	56.800.000.000	56.800.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	56.800.000.000	56.800.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	4.544.000.000	-

Mẫu B09 - DN

**c) Cổ phiếu**

	31/12/2012	01/01/2012
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.680.000	5.680.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.680.000	5.680.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.680.000	5.680.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.680.000	5.680.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.680.000	5.680.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND / cổ phiếu		

**20 . NGUỒN KINH PHÍ**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Nguồn kinh phí còn lại đầu năm	-	-
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	340.700.000	-
Chi sự nghiệp (*)	(113.700.000)	-
<b>Nguồn kinh phí còn lại cuối năm</b>	<b>227.000.000</b>	<b>-</b>

Nguồn kinh phí được Sở Khoa học Công nghệ tỉnh Nam Định cấp theo hợp đồng khoa học công nghệ số 06/2012/HĐ-KHCN ký ngày 23/04/2012 giữa Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Nam Định và Công ty TNHH Nam Dược về việc thực hiện dự án " Ứng dụng quy trình chiết saponin từ rễ cây đinh lăng trên quy mô công nghiệp", kinh phí thực hiện dự án là 518.000.000 đồng, thời gian thực hiện 12 tháng từ tháng 4/2012 đến tháng 3/2013.

**21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	174.653.307.148	97.699.693.752
Doanh thu bán thành phẩm	91.007.486.212	72.839.148.473
	<b>265.660.793.360</b>	<b>170.538.842.225</b>

**22 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	-	634.001.167
Hàng bán bị trả lại	121.204.712	1.295.758.446
	<b>121.204.712</b>	<b>1.929.759.613</b>

**23 . DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng	174.532.102.436	95.769.934.139
Doanh thu thuần bán thành phẩm	91.007.486.212	72.839.148.473
	<b>265.539.588.648</b>	<b>168.609.082.612</b>

Mẫu B09 - DN

**24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Giá vốn hàng bán	94.458.160.367	59.253.174.424
Giá vốn thành phẩm đã bán	58.540.386.091	44.789.694.552
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(687.641.320)
	<b>152.998.546.458</b>	<b>103.355.227.656</b>

**25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	735.829.726	416.497.074
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	20.620	378.891
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	16.355
	<b>735.850.346</b>	<b>416.892.320</b>

**26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền vay	4.126.983.529	8.942.276.730
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	21.863.176	556.351.912
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	332.503.769
Chi phí tài chính khác	-	723.836
	<b>4.148.846.705</b>	<b>9.831.856.247</b>

**27 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	585.000	4.000.000
Chi phí nhân công	12.790.351.057	6.477.325.307
Chi phí khấu hao tài sản cố định	304.482.757	166.110.175
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.124.492.814	15.386.912.260
<i>Trong đó: Chi phí quảng cáo khuyến mãi</i>	<i>27.726.797.759</i>	<i>13.807.799.436</i>
Chi phí khác bằng tiền	1.511.290.664	2.028.070.564
	<b>44.731.202.292</b>	<b>24.062.418.306</b>

**28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	254.468.811	151.894.103
Chi phí nhân công	11.234.106.678	7.158.559.281
Chi phí khấu hao tài sản cố định	582.039.469	564.400.986
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.379.661.438	2.539.227.108
Chi phí khác bằng tiền	2.203.448.126	1.621.987.957
	<b>17.653.724.522</b>	<b>12.036.069.435</b>

Mẫu B09 - DN

**29 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

**29.1 Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	47.025.306.595	19.695.471.479
Các khoản điều chỉnh tăng	27.389.840.362	15.025.437.048
- Hoàn nhập lãi CLTG chưa thực hiện năm trước chuyển sang	-	195.999.157
- Các khoản tiền phạt	15.669.284	64.927.543
- Chi phí khác vượt định mức được trừ	25.154.965.708	13.416.693.180
- Lãi vay vượt mức quy định	145.433.324	713.816.001
- Chiết khấu thanh toán không có chứng từ hợp lệ	-	634.001.167
- Chi phí không hợp lệ	2.073.772.046	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(19.877.763.801)
- Lỗ năm trước chuyển sang	-	(19.877.763.801)
Thu nhập chịu thuế TNDN	74.415.146.957	14.755.044.447
Chi phí thuế TNDN	8.307.024.322	1.560.721.842
Giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2011 theo thông tư 154/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011	-	(308.613.607)
Giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2012 theo thông tư 140/2012/TT-BTC ngày 21/08/2012	(1.946.125.625)	-
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>6.360.898.697</b>	<b>1.252.108.235</b>
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	929.650.242	(289.161.835)
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(1.021.398.851)	(33.296.158)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>6.269.150.088</b>	<b>929.650.242</b>

**29.2 Thuế thu nhập hoãn lại**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	838.046.776	-
	<b>838.046.776</b>	-
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào Báo cáo kết quả kinh doanh</b>		
Chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(838.046.776)	-
	<b>(838.046.776)</b>	-

**30 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	41.502.454.674	18.443.363.244
Các khoản điều chỉnh:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	41.502.454.674	18.443.363.244
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.680.000	5.680.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>7.307</b>	<b>3.247</b>

Mẫu B09 - DN

**31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	84.523.624.911	68.094.115.630
Chi phí nhân công	33.091.085.169	20.945.496.405
Chi phí khấu hao TSCĐ	7.927.976.337	6.224.414.993
Chi phí dịch vụ mua ngoài	45.159.485.802	27.505.783.711
Chi phí khác bằng tiền	7.069.845.537	6.354.981.394
	<b>177.772.017.756</b>	<b>129.124.792.133</b>

**32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2012		01/01/2012	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.074.055.297	-	10.634.979.291	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	20.105.664.798	-	41.456.209.218	-
Đầu tư dài hạn	255.000.000	-	255.000.000	-
	<b>45.434.720.095</b>	<b>-</b>	<b>52.346.188.509</b>	<b>-</b>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	17.990.652.082	48.495.367.917
Phải trả người bán, phải trả khác	20.475.019.214	15.118.388.588
Chi phí phải trả	141.289.292	223.699.926
	<b>38.606.960.588</b>	<b>63.837.456.431</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.



Mẫu B09 - DN

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác)

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.074.055.297	-	-	25.074.055.297
Phải thu khách hàng, phải thu khác	20.105.664.798	-	-	20.105.664.798
Đầu tư dài hạn	-	255.000.000	-	255.000.000
	<b>45.179.720.095</b>	<b>255.000.000</b>	-	<b>45.434.720.095</b>
<b>Tại ngày 01/01/2012</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.634.979.291	-	-	10.634.979.291
Phải thu khách hàng, phải thu khác	41.456.209.218	-	-	41.456.209.218
Đầu tư dài hạn	-	255.000.000	-	255.000.000
	<b>52.091.188.509</b>	<b>255.000.000</b>	-	<b>52.346.188.509</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>				
Vay và nợ	14.817.255.234	3.173.396.848	-	17.990.652.082
Phải trả người bán, phải trả khác	20.475.019.214	-	-	20.475.019.214
Chi phí phải trả	141.289.292	-	-	141.289.292
	<u>35.433.563.740</u>	<u>3.173.396.848</u>	<u>-</u>	<u>38.606.960.588</u>
	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 01/01/2012</b>				
Vay và nợ	41.648.571.069	6.846.796.848	-	48.495.367.917
Phải trả người bán, phải trả khác	15.118.388.588	-	-	15.118.388.588
Chi phí phải trả	223.699.926	-	-	223.699.926
	<u>56.990.659.583</u>	<u>6.846.796.848</u>	<u>-</u>	<u>63.837.456.431</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**33 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

**34 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

**Báo cáo bộ phận chính yếu – Theo lĩnh vực kinh doanh:**

Toàn bộ lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là hoạt động kinh doanh dược phẩm.

**Báo cáo bộ phận thứ yếu – Theo khu vực địa lý:**

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam.

Mẫu B09 - DN

35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm Công ty đã giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
<b>Doanh thu bán hàng</b>			
- Công ty TNHH Dược phẩm Ích Nhân	Công ty có liên quan với thành viên HĐQT	22.765.888.240	10.078.248.290
<b>Mua hàng hóa</b>			
- Công ty TNHH Dược phẩm Ích Nhân	Công ty có liên quan với thành viên HĐQT	37.895.844.150	14.311.218.386
<b>Vay mượn hàng hóa</b>			
- Công ty TNHH Dược phẩm Ích Nhân	Công ty có liên quan với thành viên HĐQT	-	255.000.000

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	Mối quan hệ	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
<b>Người mua trả tiền trước</b>			
- Công ty TNHH Dược phẩm Ích Nhân	Công ty có liên quan với thành viên HĐQT	-	1.219.219.931
<b>Phải trả khác</b>			
- Công ty TNHH Dược phẩm Ích Nhân	Công ty có liên quan với thành viên HĐQT	-	225.000.000
<b>Phải trả người bán</b>			
- Công ty TNHH Dược phẩm Ích Nhân	Công ty có liên quan với thành viên HĐQT	5.431.474.538	-
<b>Vay ngắn hạn</b>			
- Bà Dương Thị Lan	Thành viên HĐQT	-	850.000.000
- Bà Dương Thị Sáu	Người có liên quan đến thành viên HĐQT	-	1.000.000.000

36 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được Công ty TNHH Kiểm toán Việt Anh kiểm toán.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

	Mã số	Phân loại lại VND	Đã trình bày trên báo cáo năm trước VND
<b>a) Bảng Cân đối kế toán</b>			
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình	222	67.988.870.452	67.933.661.542
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(37.717.098.576)	(37.700.229.187)
- Chi phí trả trước dài hạn	261	995.040.510	1.016.510.642
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	5.981.431.603	5.964.562.214

	Mã số	Phân loại lại	Mẫu B09 - DN Đã trình bày trên báo cáo năm trước
<b>c) Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ</b>			
- Khấu hao tài sản cố định	02	7.542.611.121	7.525.741.732
- Tăng/giảm chi phí trả trước	12	966.379.426	944.909.294
- Tăng/giảm các khoản phải trả	11	(10.138.051.901)	(10.171.348.059)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(33.296.158)	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(18.166.769)	(1.740.000)
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.691.239.514)	(1.636.030.604)



**Trần Thị Anh Đức**  
Kế toán trưởng



**Hoàng Minh Châu**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2013

0111  
CÔNG  
H NHIỆ  
H VỤ  
HÌNH K  
IÊM  
KIỂM

Công ty Cổ phần Nam Dược

Số 30M2 Khu đô thị mới Yên Hòa, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**Phụ lục 1 : TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	<b>Cộng</b> VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	14.343.335.610	45.842.150.956	3.319.238.418	1.059.735.006	3.424.410.462	67.988.870.452
Số tăng trong năm	-	5.351.329.187	490.327.500	457.943.691	14.420.000	6.314.020.378
- Mua trong năm	-	5.351.329.187	490.327.500	457.943.691	-	6.299.600.378
- Tăng khác (phân loại lại)	-	-	-	-	14.420.000	14.420.000
Số giảm trong năm	-	(316.702.107)	-	-	-	(316.702.107)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(302.282.107)	-	-	-	(302.282.107)
- Giảm khác (phân loại lại)	-	(14.420.000)	-	-	-	(14.420.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>14.343.335.610</b>	<b>50.876.778.036</b>	<b>3.809.565.918</b>	<b>1.517.678.697</b>	<b>3.438.830.462</b>	<b>73.986.188.723</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	4.638.801.289	28.358.726.442	2.059.989.178	536.314.323	2.123.267.344	37.717.098.576
Số tăng trong năm	1.000.388.241	5.652.353.460	346.950.842	293.102.528	571.632.812	7.864.427.883
- Khấu hao trong năm	1.000.388.241	5.652.353.460	339.970.485	293.102.528	562.018.807	7.847.833.521
- Tăng khác	-	-	6.980.357	-	9.614.005	16.594.362
Số giảm trong năm	(6.980.357)	(311.896.112)	-	-	-	(318.876.469)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(302.282.107)	-	-	-	(302.282.107)
- Giảm khác	(6.980.357)	(9.614.005)	-	-	-	(16.594.362)
<b>Số cuối năm</b>	<b>5.632.209.173</b>	<b>33.699.183.790</b>	<b>2.406.940.020</b>	<b>829.416.851</b>	<b>2.694.900.156</b>	<b>45.262.649.990</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	9.704.534.321	17.483.424.514	1.259.249.240	523.420.683	1.301.143.118	30.271.771.876
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>8.711.126.437</b>	<b>17.177.594.246</b>	<b>1.402.625.898</b>	<b>688.261.846</b>	<b>743.930.306</b>	<b>28.723.538.733</b>

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 21.033.870.395 VND;

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết còn sử dụng: 3.254.268.701 VND



**Phụ lục 2 : BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn đầu tư của CSH VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>56.800.000.000</b>	<b>21.813.000.000</b>	<b>(203.846.927)</b>	<b>(34.334.589.083)</b>	<b>44.074.563.990</b>
Lãi trong năm trước	-	-	-	18.443.363.244	18.443.363.244
Tăng khác	-	-	206.771.612	59.657.442	266.429.054
Chuyển thặng dư bù lỗ lũy kế (*)	-	(21.813.000.000)	-	21.813.000.000	-
Giảm khác	-	-	(2.924.685)	-	(2.924.685)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>56.800.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>5.981.431.603</b>	<b>62.781.431.603</b>
Lãi trong năm nay	-	-	-	41.502.454.674	41.502.454.674
Chi trả thù lao HĐQT&BKS (**)	-	-	-	(298.228.109)	(298.228.109)
Thanh toán cổ tức cho cổ đông (**)	-	-	-	(4.544.000.000)	(4.544.000.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>56.800.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>42.641.658.168</b>	<b>99.441.658.168</b>

(\*) Năm 2011 Công ty thực hiện chuyển thặng dư vốn cổ phần số tiền 21.813.000.000 đồng để giảm lỗ lũy kế theo biên bản họp đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 số 01/2011-BB-ĐHĐCĐ ngày 08/05/2011.

(\*\*) Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 Công ty Cổ phần Nam Dược ngày 19/05/2012 đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2011 để chi trả cổ tức cho cổ đông là 8% vốn điều lệ, thông qua thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2011 là 5% lợi nhuận chưa phân phối lũy kế năm 2011 tương đương 300 triệu đồng. Công ty đang thực hiện phân phối lợi nhuận trên cơ sở báo cáo tài chính hợp nhất.